TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2021
V/v Ly hôn giữa anh C và chị C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Lưu
2. Ông Cao Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; Trú tại: Ấp 7, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Chị Lô Thị C, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp 7, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2010, do quen biết, tìm hiểu, anh Nguyễn Văn C và chị Lô Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau nên chị C đã bỏ nhà đi sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên anh C yêu cầu xin được ly hôn với chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 07/5/2011 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2014. Hiện hai cháu

đang sống chung với anh C. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại Tờ tự khai bị đơn chị Lô Thị C trình bày:

Chị C thống nhất lời trình bày của anh Cương về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn và thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh C, chị C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị C đồng ý giao 02 cháu cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn chị Lô Thị C vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt chị C.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của anh C và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh C và chị C là hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh C nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ chị C đều vắng mặt và cung cấp văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẩn tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh C xin ly hôn với chị C là có cơ sở.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 07/5/2011 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2014. Anh C

yêu cầu được giành quyền nuôi hai cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị C thống nhất giao hai cháu cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Đây là sự tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* Anh C và chị C xác định không có.

[2.4] *Về nghĩa vụ chung*: Anh C và chị C xác định không có.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn anh C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Lô Thị C.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 07/5/2011 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/01/2014 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh C không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho chị C, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị C.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. Về chia tài sản chung: Anh C và chị C xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Anh C và chị C xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009042 ngày 27 tháng 4 năm 2021 thành tiền án phí. Công nhận anh C đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng